|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG .........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------------** |

**BÀI THU HOẠCH**

**BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN**

**Module THCS36: Giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS**

Năm học: ..............

Họ và tên: .

Đơn vị:

**Nội dung 1: Khái niệm giá trị sống và phân loại giá trị sống.**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm giá trị sống.**

- Nhiệm vụ:

Bạn hãy cho biết ý nghĩa của giá trị sống.

- Thống tin phản hồi:

Giá trị sống (Living values) vốn là chủ đề đã được bản thảo từ khá sớm trong lịch sử. Trong những bản thảo đó, nhiều nội dung của các khoa học xã hội nhân văn như Triết học, Đạo đức học, Xã hội học, Tôn giáo học, Tâm lí học, Giáo dục học... đã đuợc đề cập đển để làm rõ nội hàm của nó. Chẳng hạn: Cuộc sống là gì? Ý nghĩa của cuộc sống là gì? Những gì làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa? Làm thể nào con người có thể chung sống với nhau mà không xung đột? Con người có những quyền cơ bản nào? Điều gì làm nên phẩm giá của con người?...

Vậy giá trị sống là gì: Giá trị sống (hay còn gọi là “giá trị cuộc sống", “giá trị của cuộc sống") là những điều mà một con người cho là tốt, là quan trọng, phải có cho bằng được. Vi thể, giá trị sống là cơ sở của hành động sống. Nó chi phối hành vi hướng thìện của con người. Thuật ngữ giá trị sống có thể quy chiểu vào những mối quan tâm, những thích thú, những cái ưa thích, những sở thích, những bốn phận, những trách nhiệm đòi thần, những ước muốn, những đòi hỏi, những nhu cầu, những ác cảm, những lôi cuốn và nhiều hình thái khác nữa của định hướng lựa chọn. Nói cách khác, giá trị sống có mặt trong thể giới rộng lớn và đa dạng của hành vi lựa chọn. Hành vi theo phản xạ không biểu hiện các giá trị sống hay sự đánh giá: từ cái nháy mắt bất thần tới phản xạ xương bánh chè hay bắt cứ quá trình sinh hoá nào trong cơ thể đều không tạo ra hành vi giá trị.

Theo nghĩa hẹp, giá trị sống là quan niệm về cái đáng mong muốn (desirable) ảnh hưởng tới hành vi lựa chọn. Theo định nghĩa này, có sự phân biệt giữa cái được mong muốn và cái đáng mong muốn. Định nghĩa này đuợc các ngành khoa học xã hội đánh giá cao, bởi nó loại trừ, chẳng hạn, những giá trị thuần tuý mang tính hướng lạc.

Theo nghĩa rộng, giá trị sống là bất cứ cái gì được xem là tốt hay xấu; Hoặc giá trị là điều quan tâm của một chủ thể nào đó. Con người không lãnh đạm với thể giới. Dù công khai hay ngán ngẩm, họ đều xem mọi sự vật, hiện tượng như những cái tốt hay xấu, thật hay giả, ...

Dường như, mọi giá trị sống đều chứa đựng một số nhận thức, chứng tỏ tính chất lựa chọn hay hướng dẫn và chúng bao gồm một số yếu tổ tình cảm. Các giá trị sống được sử dựng như là những tiêu chuẩn cho sự lựa chọn khi hành động. Khi đã đuợc nhận thức công khai và đầy đủ nhất, các giá trị sống trở thành những tiêu chuẩn cho sự phán xét, sự ưa thích và sự lựa chọn. Trong trường hợp khi còn dưới dạng tiềm ẩn hay chưa được nhận thức, các giá trị sống vẫn đuợc thực hiện như là chúng đã cấu thành cơ sở cho những quyết định trong hành vi. Trong rất nhiều trường hợp, người ta thưởng thích một điều ổn định hơn là những điều mối khác, người ta thưởng lựa chọn hướng hành động này hơn là hướng hành động khác, người ta thưởng phán xét hành vi cưa những người khác...

Các giá trị sống không phải là những động cơ. Nhiều động cơ đặc thù thưởng có thể tăng cưởng sức mạnh cho một giá trị nhất định. Các giá trị sống cũng không đồng nhất với các chuẩn mục ứng xử. Các chuẩn mục là những quy tấc hành vi. chúng nói vê cái nên làm hay không em làm đối với từng loại nhân vật đặc thù trong những tình huống nhất định. Các giá trị sống là những tiêu chuẩn của điều đáng mong muốn mang tính độc lập hơn trong những hoàn cảnh riêng biệt. Giá trị sống có thê là điểm quay chiểu cho rất nhiều các chuẩn mực riêng biệt. Trong khi, một chuẩn mực có thể thể hiện cùng một lúc nhiều giá trị riêng lẻ. chẳng hạn, giá trị "bình đẳng" có thể thâm nhâp vào những chuẩn mực trong các quan hệ giữa vợ - chồng, anh - em... nhưng mặt khác, chuẩn mục "giáo viên không được thìên vị khi cho điểm" trong trường hợp đặc thù có thể bao gồm các giá trị bình đẳng, trung thực, yêu thương...

Các giá trị sống với tư cách là những tiêu chuẩn để xác định cái gì đáng mong muốn đã đưa ra cơ sở cho sự chấp nhận hay từ chổi những chuẩn mực riêng biệt.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu chuẩn mực xã hội và quan hệ của chuẩn mực xã hội với giá trị sống.**

- Nhiệm vụ:

Bạn hãy trao đối với đồng nghiệp và cho biết ý kiến của mình về chuẩn mực xã hội và quan hệ giữa chuẩn mực xã hội và giá trị sống?

- Thông tin phản hồi:

Chuẩn mực chỉ những quy tắc chung về ứng xử xã hội có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận đuợc. Tất cả các xã hội đều có chuẩn mực, tuy chuẩn mục của mối xã hội có khác nhau, chẳng hạn, ở một số vùng nổng thổn Tây Phi, nếu một người lạ gõ của vào lúc nủa đêm thì chuẩn mục là phải mởi người lạ đó vào nhà và mởi người đó ăn, dọn cho cho người đó ngủ (cho dù có phải ngủ trên sàn nhà). Nhưng ở khu buổn bán ở LosAngeles, đáp lại lởi gõ của lúc giữa đêm lại là hành động bực tức, không tiếp, không niềm nở...

Chuẩn mực đề ra những nguyên tắc chỉ đạo có thể "chấp nhận được" hoặc ứng xủ thích đáng trong một tình huống có thể làm. Nó còn chứa đựng một khía cạnh về cái mọi người nên làm.

Các chuẩn mực không chỉ được áp dựng vào hành vi ứng xử. Ngay các xúc cảm cũng bị kiềm chế bởi các chuẩn mực. chẳng hạn, khi ta tự nhủ "Ta không nên tức giận như vậy", cho thấy rằng, chúng ta đang so sánh cảm xúc của Mình với một chuẩn mực nào đấy. ví dụ này cũng cho thấy, chuẩn mực cũng như những đặc trưng khác của văn hoá, đi vào nhận thức của chúng ta bằng những con đưởng rất tinh vi.

Các chuẩn mực có sức đan kết xã hội rất chặt chẽ, có thể nhận ra bốn loại chuẩn mực, phụ thuộc vào mức độ tuăn thủ mà chúng đòi hỏi; một là tập quán; hai là phong tực; ba là luật pháp; bốn là kiêng kị.

Từ đó có thể thấy, chuẩn mực có nguồn gổc ăn sâu vào các giá trị xã hội. Chuẩn mực là sự áp dựng cụ thể các giá trị vào đòi sống hằng ngày (giá trị sống). Giá trị sống là những tư tưởng bao quát chung cho mọi người về cái gì là tốt, cái gì là xấu, cái gì là đáng mong muốn, cái gì là không đáng mong muốn. Giá trị sống có tính chất khái quát hơn chuẩn mục ở chỗ, nó không quy định những ứng xử cụ thể cho những tình huống cụ thể. Trên thực tế, có những giá trị có thể hỗ trợ cho một số chuẩn mực khác nhau, thậm chí xung đột nhau, ví dụ, người phụ nữ coi trọng gia đình có thể bị giằng xé giữa việc tích cực ở cơ quan với việc dành nhiều thời gian ở nhà chăm sóc gia đình, cả hai cách ứng xử đều là những biểu hiện chuẩn mực của giá trị.

**Nội dung 2: Phân loại giá trị sống.**

- Nhiệm vụ:

Các giá trị sống cốt lõi của nhân loại bao gồm: Hoà bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, hạnh phức, trách nhiệm, hợp tác, khiêm tôn, trung thực, giản dị, tự do, đoàn kết. Trong đó, hoà bình, tự do là hai giá trị sống chung; khoan dung, khiêm tôn, giản dị, trung thực, yêu thương, hạnh phức là sáu giá trị thuộc phẩm cách của mối cá nhân; tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm là bốn giá trị quan hệ nên nhân cách.

GS. Phạm Minh Học đề xuất phuơng án xây dựng hệ giá trị chung cho người Việt Nam hiện nay bao gồm:

+ Các giá trị chung của loài người: Chăn, thìện, mĩ.

+ Các giá trị toàn cầu: Hoà bình, an ninh, hữu nghị, hợp tác, độc lập dân tộc, không xâm phạm chủ quyền.

+ Các giá trị dân tộc: Tinh thần dân tộc, yêu nước, Trách nhiệm cộng đồng.

+Các giá trị gia đình: Hoà thuận, hiểu thảo, coi trọng giáo dục gia đình.

+ Các giá trị của bản thân:

Trên nền tảng các giá trị chung này, các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học... có thể dựng cho riêng mình những thang giá trị riêng, vận dựng vào việc định hướng giá trị, giáo dục giá trị cho đơn vị của mình.

Giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần chủ trọng tới những giá trị hướng tới các quan hệ tập thể, bản thân... Cũng cần lưu ý rằng, 5 Điều Bác Hồ dạy thiểu niên cũng thầm chứa những giá trị sống cơ bản dành cho thanh, thiểu niên hiện nay: yêu Tổ quổc, yêu đồng bào, học tập, lao động, đoàn kết, kĩ luật, vệ sinh...

**Nội dung 3: Ý nghĩa của giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của hoà bình:**

Hoà bình là trạng thái yên tĩnh không có chiến tranh.

Hoà bình không chỉ là sự vắng bóng của chiến tranh. Hoà bình cần phải bắt nguồn từ mối người chúng ta. Thống qua việc suy ngẫm lặng lẽ và nghiêm túc về ý nghĩa của hoà bình, những cách thức mới mẻ và sáng tạo có thể đuợc phát hiện để nuôi dưỡng sự hiểu biết tình bạn và đòi thần hợp tác giữa các dân tộc. Hoà bình của thể giới chỉ có được khi mối cá nhân trong thể giới đó đều có được sự bình yên trong tâm hồn. Bình yên là trạng thái đòi thần điềm tĩnh, thư giãn, thanh thản cùng với sức mạnh của chân lí. Bình yên có được khi động cơ của tư tưởng, tình cảm, ước muốn trong sáng. Để sống trong bình yên cần có lòng trắc ẩn và sức mạnh từ nội tâm. Nên hoà bình của thể giới chỉ có thể duy trì trong một bầu không khí phi bạo lực, biết lắng nghe, có sự công bằng và đối thoại trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau.

**Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của tôn trọng:**

Tôn trọng là sự coi trọng, quý mến, là việc tuân thủ, không coi thưởng.

Tôn trọng là nói về những phẩm chất của cá nhân. Bẩm sinh con người vổn là quý giá. Tôn trọng hìểu theo hai mối quan hệ. Quan hệ thứ nhất là đối với chính bản thân mình. Đó là sự nhận biết về những phẩm chất vốn có của mình, biết giá trị của bản thân, từ đó xây dựng sự tự tin, sống có nhân phẩm. Quan hệ thứ hai là đối với người khác, khi biết giá trị của bản thân thì sẽ biết giá trị của người khác, khi tôn trọng những phẩm chất vốn có của bản thân mình thì cũng phải tôn trọng người khác. Ngược lại, khi bản thân đã biết tôn trọng người khác thì cũng cần tôn trọng những giá trị, phẩm chất của chính mình. Nếu thiểu tôn trọng bản thân thì cũng dễ nhận được sự thiểu tôn trọng của người khác. Tự trọng phải gắn liền với trí tuệ và công bằng, chính trực, như đó con người mới biết đối xử tốt với người khác.

**Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của trách nhiệm:**

Trách nhiệm là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình.

Trách nhiệm nói lên một đặc trưng của nhân cách trong việc thực hiện nghĩa vụ do xã hội đề ra. Nếu nghĩa vụ đặt ra cho con người vấn đề nhận thức và thực hiện những yêu cầu của xã hội, thì vấn đề trách nhiệm là ở chỗ con người hoàn thành và hoàn thành đển mức nào hoặc không hoàn thành những yêu cầu ấy. Trách nhiệm là sự tương xửng giữa hoạt động với nghĩa vụ, là hệ quả của tự do ý chí của con người, là đặc trưng cho hoạt động có ý thức của con người. Con người ngày càng nhận thức đuợc quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội. Khi năng lực chi phối tự nhiên, xã hội của con người lớn lên thì trách nhiệm của con người đối với hành vi của mình cũng lớn lên. Về mặt pháp lí, việc xem xét trách nhiệm cá nhân phải xuất phát từ sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ: Quyền lợi thưởng đi đôi với trách nhiệm, quyền càng rộng thì trách nhiệm càng lớn.

Trách nhiệm là chấp nhận những đòi hỏi và thực hiện nhiệm vụ với khả năng tốt nhất của mình. Người có trách nhiệm là người luôn thực hiện bốn phận đuợc giao đứng theo mục tiêu đề ra và tiến hành nhiệm vụ ấy với lòng chính trực, thiện chí và luôn ý thức về việc mình làm. Trách nhiệm không phải là điều gì đó rằng buộc với chúng ta, nhưng nó tạo điều kiện để ta có thể đạt đuợc những gì ta mong muốn, mọi người có thể thể hiện đòi thần trách nhiệm đối với toàn cầu bằng cách tôn trọng toàn thể nhân loại. Nếu chúng ta muốn được hoà bình thì trách nhiệm của chúng ta là phải sống bình yên. Nếu chúng ta muốn có một môi trường sống trong lành, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ thìên nhiên.

**Hoạt động 4: Tìm hiểu nội dung của sự hợp tác:**

Hợp tác là sự chung sức, trợ giúp qua lại với nhau.

Hợp tác là sự làm việc cùng nhau vì mục đích chung. Hợp tác cũng là sự chia sẻ, đôi khi ta đưa ra ý tưởng, nhưng cũng có lúc ta phải gác qua một bên ý tưởng của mình. Lúc này, ta giữ vai trở lãnh đạo, lúc khác, ta cũng cần tuăn theo. Để hợp tác, cần có sự trăn trọng giá trị và sự đóng góp của mối thành viên. Người có đòi thần hợp tác sẽ nhận được sự hợp tác. Hợp tác là sự sẵn sàng mang đển những điều tốt đẹp nhất đển với mọi người cũng như công việc. Hợp tác đối lập với bắt hợp tác.

**Hoạt động 5: Tìm hiểu nội dung của sự tự do:**

Tự do là quyền sống và hoạt động xã hội theo ý nguyện của mình, không bị cấm đoán ràng buộc, xâm phạm.

Tự do chỉ khả năng biểu hiện ý chí, làm theo ý muốn con người, trên cơ sở nhận thức được quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội. Tự do là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lí trong các hoạt động xã hội - chính trị như dưới các chế độ thực dân, chuyên chế, độc tài: đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, các quyền tự do dân chủ. Con người chỉ thực sự được tự do khi các quyền được căn bằng với trách nhiệm, cho nên, tự do không có nghĩa là không có giới hạn. Tự do nội tâm là được giải phóng khói những nhầm lẫn và phức tạp trong trí tuệ. chỉ có thể trải nghiệm tự do nội tâm khi có những suy nghĩ tích cực về tất cả mọi người.

**Hoạt động 6: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của sự đoàn kết:**

Đoàn kết là thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, chống đối nhau.

Đoàn kết là kết thành một khỏi thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung. Đoàn kết là sự hài hoà bên trong mọi người và giữa các cá nhân trong cùng một nhóm. Tình đoàn kết đuợc xây dựng từ thái độ vô vị lợi, bình đẳng và sự tôn trọng lẫn nhau. Đoàn kết mang đến tinh thần hợp tác, nâng cao lòng nhiệt tình đối với công việc và làm cho bầu không khí trở nên ấm áp, cả tập thể sẽ gắn bó bền chặt, theo đó hiệu quả công việc được nâng cao.

**Nội dung 4:**

**Vận dựng các phuơng pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở.**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.**

Các cấp tiếp cận giá trị:

Theo lí luận giáo dục, tiếp cận giá trị trải qua các các bước, các cấp độ sau đây:

- Cấp độ nhận thức, thể hiện ở hai mức độ:

+ Mức độ biết: Thể hiện ở mức độ giới hạn về các khái niệm, các sự kiện và thuật ngữ. Nên cần phải chuyển sang mức độ hiểu sâu hơn về bản chất bên trong của các khái niệm, sự kiện cũng như ý nghĩa của việc nắm được các khái niệm, các chuẩn mực, quy tắc... thể hiện các giá trị đó.

+ Mức độ hiểu: Mức độ này thể hiện sự hiểu sâu bản chất của giá trị để có thể thể hiện bằng hành vi phù hợp.

- Trong quá trình thảo luận cần đảm bảo rằng: Học sinh không chỉ biết được các giá trị mà còn cần hiểu được bản chất của các giá trị và các hình thái thể hiện của nó trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên, đồng thời còn cần hiểu được cơ sở khoa học của hệ thống giá trị.

+ Cấp độ tình cảm: Nếu chỉ có biết và hiểu thì chứa đảm bảo những giá trị, những yêu cầu, những chuẩn mực được nội tâm hoá và tích hợp với hệ thống vốn kinh nghiệm đã có để trở thành tài sản riêng của mối cá nhân. Bước này đảm bảo các giá trị được cá nhân lựa chọn qua kinh nghiệm, được suy ngẫm và được khẳng định, đuợc nuôi dưỡng trở thành động cơ của hành vi, mục tiêu và lí tưởng của cuộc sống. Giá trị được nội tâm hoá là các giá trị được lựa chọn một cách tự nguyện thống qua các cách lựa chọn, đánh giá khác nhau nhở cọ sát các ý kiến trong quá trình thảo luận và trải nghiệm thực tiễn từ những tấm gương thầy cô giáo của mình.

+ Cấp độ hành động: Các giá trị được nội tâm hoá sẽ dẫn tới định hướng cho hành vi của cá nhân. Trên cơ sở nội tâm hoá các giá trị, yêu cầu đạo đức mối học sinh nên có những tình cảm tích cực, ý thức được trách nhiệm của mình trong cuộc sống và tu dưỡng để trở thành công dân tương lai và có những hành vi phù hợp trong cuộc sống. Điều này có thể diễn ra một cách tự nhiên, nhưng cần thìết phải được trải nghiệm các giá trị và rèn luyện qua hoạt động thực tiễn.

- Các cấp độ theo cách tiếp cận giá trị có thể tuân theo logic trên, nhưng cũng có thể thay đối trật tự và đan xen nhau một cách biện chúng, và hệ thống các chuẩn mục hành vi vừa có tình cảm và niềm tin vào sự cần thìết và ý nghĩa của nó. Từ đó, học sinh có niềm tin vào các giá trị sống, có định hướng, kiểm soát đuợc hành vi của mình trong hiện tại và tương lai.

- Giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần có sự kết hợp nhiều hình thức và phương pháp truyền đạt, tạo sự sinh động, hấp dẫn các em học sinh tham gia. Do vậy, giáo viên cần có sự đầu tư thời gian, công sức, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để tạo ra những bài giảng, hoạt động giáo dục giá trị sống cho phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

**Hoạt động 2: Giáo dục giá trị sống thống các phương pháp dạy học tích cực và kĩ thuật dạy học:**

- Trong hoạt động giáo dục giá trị sống, phuơng pháp dạy học và kĩ thuật dạy học có ưu thể trong việc phát huy tính tích cực học tập cho học sinh. Dưới đây là một số phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học tích cực tiêu biểu, có ưu thể cao trong việc phát huy tính tích cực của học sinh và giáo dục giá trị sống:

+ Phương pháp dạy học nhóm.

+ Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình.

+ Phương pháp giải quyết vấn đề.

+ Phương pháp đóng vai.

+ Phương pháp trò chơi.

+ Dạy học theo dự án (Phuơng pháp dụ án).

+ Kĩ thuật chia nhóm.

+ Kĩ thuật giao nhiệm vụ.

+ Kĩ thuật đặt câu hỏi.

+ Kĩ thuật “khăn trải bản".

+ Kĩ thuật “phòng tranh".

+ Kĩ thuật “công đoạn".

+ Kĩ thuật “các mảnh ghép".

+ Kĩ thuật động não.

+ Kĩ thuật “trình bày 1 phút".

+ Kĩ thuật “chúng em biết 3".

+ Kĩ thuật “hỏi và trả lời".

+ Kĩ thuật “hỏi chuyên gia".

+ Kĩ thuật “lược đồ tư duy".

+ Kĩ thuật “hoàn tất một nhiệm vụ".

+ Kĩ thuật “viết tích cực".

+ Kĩ thuật “đọc hợp tác" (còn gọi là đọc tích cực).

+ Kĩ thuật “nói cách khác".

+ Phân tích phim.

+ Tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm.

- Kĩ thuật dạy học và phuơng pháp dạy học không thể thay thể cho nội dung, do đó trong hoạt động giáo dục giá trị, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau:

+ Một là, chuẩn bị nội dung và hình thức trình bày trước mối bài học về giá trị. Về nội dung, giáo viên cần có được sự hiểu biết, trải nghiệm về giá trị đó, từ đó, căn nhắc đển các yếu tố tâm lí lứa tuổi, yếu tố nhận thức để đưa ra các mục tiêu kiến thức, kĩ năng, thái độ cho phù hợp. về hình thức, cần nghiên cứu cách thể hiện, truyền đạt nội dung giá trị bằng phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học hoặc phương tiện dạy học nào cho phù hợp, kết hợp, lồng ghép ở phẩm nào trong bài học...

+ Hai là, chuẩn bị tâm thể cho cả học sinh và giáo viên. Trong sự kết hợp, lồng ghép, giáo viên cũng cần dành khoảng thời gian nhất định chuẩn bị tâm thể cho học sinh trước khi giảng dạy nội dung một giá trị nào đó cho phù hợp. Chẳng hạn, dạy về hoà bình, giáo viên có thể cho các em nghe một bài hát có nội dung về hoà bình, hoặc dành cho các em vài phút để suy ngẫm, để tập trung, thư giãn... dành thời gian cho các em được chia sẻ những suy nghĩ của bản thân... có thể tham khảo phương pháp của LVEP trong việc xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị.

+ Ba là, tự mình và khuyến khích học sinh trải nghiệm và thực hành trên lớp cũng như ở nhà. Giáo viên cần là tấm gương cho các em noi theo trong cách ứng ử đối với các em, đồng thời, khuyến khích các em thực hành ở nhà và lắng nghe các phản hồi từ phía học sinh sau khi chính các em đã trải nghiệm qua các giá trị đó.

Kết luận:

Giáo dục giá trị sống là một thành phẩm quan trọng trong chương trình giáo dục phố thống, bên cạnh kiến thức, kĩ năng, thái độ. Giữa giá trị và nhân cách có mối quan hệ biện chúng, định hình giá trị góp phẩm hoàn thìện nhân cách và nhân cách hoàn thìện góp phẩm ổn định các giá trị của bản thân. Nhà trường đóng vai trở định hướng, điều chỉnh những hành vi của học sinh theo những giá trị và chuẩn mực chung của xã hội. Việc định hướng giá trị, xây dựng hệ thống giá trị ổn định cho học sinh trung học cơ sở là rất cần thìết trong bổi cánh hiện nay.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............., ngày...tháng...năm....* |
|  | **Người viết** |